

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH**  
**ĐÔ THỊ PHÚC YÊN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K**



## MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 - 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8
	<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	9 - 23

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên (Sau đây viết tắt là “Công ty”) được chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 2500144243 ngày 17 tháng 11 năm 1999. Ngày 04 tháng 09 năm 2014 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4.

Theo đó, Vốn điều lệ của Công ty là 20.739.850.000 đồng.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Phúc Yên

Trụ sở chính: Số nhà 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng Vương, Thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Điện thoại: 0211 3 854 328/ 3 511 006

Fax: 0211 3 872 542

Email: [mtdtpducyen@yahoo.com](mailto:mtdtpducyen@yahoo.com)

**Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này như sau:**

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Hải  
Ông Đặng Văn Vịnh  
Bà Nguyễn Thị Huệ  
Bà Phan Thu Trang  
Ông Nguyễn Hồng Phú

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Hải  
Ông Đặng Văn Vịnh

Giám đốc  
Phó Giám đốc

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH  
ĐÔ THỊ PHÚC YÊN**

Địa chỉ: Số nhà 06, Đường Quốc lộ 2, Làng Mới, Phường Hùng  
Vương, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo của Ban Giám đốc

- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác; và
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có ảnh hưởng trọng yếu đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng trọng yếu tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phúc Yên, ngày 25 tháng 03 năm 2016

**THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC**

Giám đốc



**NGUYỄN HUY HẢI**





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

## THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CS TT, CAHN, ngõ 299 phố Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Email: thanglongkiemtoan@gmail.com  
Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

Số: 76/2016/BCKT - TC

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên ("Công ty") được Lập ngày 25 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp

*Handwritten signature*

dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K**

**Phó Tổng Giám đốc**



Số giấy chứng nhận đăng ký hành  
nghề kiểm toán: 1026-2014-045-1

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Tiên Thành**

Số giấy chứng nhận đăng ký hành  
nghề kiểm toán: 1706-2014-045-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH  
ĐÔ THỊ PHÚC YÊN**

Địa chỉ: Số nhà 06, Đường Quốc lộ 2, Làng Mới, Phường Hùng Vương, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>31.312.283.029</b>	<b>30.808.482.195</b>
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.01</i>	<i>14.742.894.852</i>	<i>22.393.732.218</i>
1	Tiền	111		13.742.894.852	17.943.732.218
2	Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	4.450.000.000
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>15.755.092.601</i>	<i>7.557.872.618</i>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	13.459.824.063	3.724.679.523
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		139.736.290	160.559.000
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	2.155.532.248	3.672.634.095
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>300.162.300</i>	<i>523.578.820</i>
1	Hàng tồn kho	141	V.04	300.162.300	523.578.820
<i>V</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>514.133.276</i>	<i>333.298.539</i>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	456.832.225	333.298.539
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		57.301.051	-
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>28.618.271.765</b>	<b>34.686.347.437</b>
<i>I</i>	<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>21.349.177.520</i>	<i>27.644.256.937</i>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	21.349.177.520	27.644.256.937
	- Nguyên giá	222		84.899.395.628	82.785.692.583
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.550.218.108)	(55.141.435.646)
<i>IV</i>	<i>Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>6.080.643.900</i>	<i>7.008.090.500</i>
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.06	6.080.643.900	7.008.090.500
<i>V</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>VI</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>1.188.450.345</i>	<i>34.000.000</i>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	1.188.450.345	34.000.000
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>59.930.554.794</b>	<b>65.494.829.632</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>15.621.467.767</b>	<b>15.408.383.241</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.621.467.767</b>	<b>15.408.383.241</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	9.799.472.084	7.388.535.283
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		109.088.000	163.257.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	1.075.339.254	1.193.598.045
4	Phải trả người lao động	314		1.350.000.000	1.697.899.805
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	1.062.591.000
9	Phải trả ngắn hạn khác	319		1.661.932.163	2.074.725.842
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.625.636.266	1.827.776.266
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>44.309.087.027</b>	<b>50.086.446.391</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.10</b>	<b>25.572.864.130</b>	<b>25.078.359.742</b>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.739.852.567	19.938.458.567
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.739.852.567	19.938.458.567
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		2.264.208.752	1.450.208.752
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.568.802.811	2.888.298.423
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		173.110.423	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.395.692.388	2.888.298.423
11	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	801.394.000
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>V.11</b>	<b>18.736.222.897</b>	<b>-25.008.086.649</b>
2	Nguồn kinh phí	431		6.045.565.644	5.977.565.644
3	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		12.690.657.253	19.030.521.005
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>59.930.554.794</b>	<b>65.494.829.632</b>

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



VŨ KHẮC HÒA

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HUỆ

Giám đốc



NGUYỄN HUY HẢI



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>52.875.307.913</b>	<b>53.054.756.084</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>52.875.307.913</b>	<b>53.054.756.084</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	44.342.364.905	44.152.781.073
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>8.532.943.008</b>	<b>8.901.975.011</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	242.627.268	344.431.303
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.482.466.195	5.543.459.618
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>3.293.104.081</b>	<b>3.702.946.696</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.04	85.000.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.05	289.712.744	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(204.712.744)	-
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.088.391.337</b>	<b>3.702.946.696</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	692.698.949	814.648.273
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>2.395.692.388</b>	<b>2.888.298.423</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.07	1.155	1.393
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70			

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





VŨ KHẮC HÒA

NGUYỄN THỊ HUỆ

NGUYỄN HUY HẢI

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		46.015.687.859	52.936.746.173
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(34.039.818.859)	(30.258.825.473)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(11.139.453.825)	(11.456.893.209)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(1.086.375.931)	(1.195.995.772)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		2.809.814.140	2.087.101.141
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(8.645.474.481)	(6.262.097.728)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(6.085.621.097)</b>	<b>5.850.035.132</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(108.886.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		202.857.731	344.431.303
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>93.971.731</b>	<b>344.431.303</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.659.188.000)	(2.047.914.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.659.188.000)</b>	<b>(2.047.914.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(7.650.837.366)</b>	<b>4.146.552.435</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>22.393.732.218</b>	<b>18.247.179.783</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>14.742.894.852</b>	<b>22.393.732.218</b>

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





VŨ KHẮC HÒA

NGUYỄN THỊ HUỆ

NGUYỄN HUY HẢI



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên (“Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 2500144243 ngày 17/11/1999. Ngày 04/09/2014 Công ty được sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4. Theo đó, Vốn điều lệ của Công ty là 20.739.850.000 đồng, được chia làm là 2.073.985 cổ phần, với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác đang nắm giữ cụ thể như sau:

<b>Tên cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Giá trị cổ phần (VND)</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn</b>
Vốn góp nhà nước do các cá nhân làm chủ đại diện	1.772.424	17.724.240.000	85,46%
- Nguyễn Huy Hải	443.106	4.431.060.000	21,36%
- Đặng Văn Vịnh	265.864	2.658.640.000	12,82%
- Phan Thu Trang	177.242	1.772.420.000	8,55%
- Nguyễn Thị Huệ	177.242	1.772.420.000	8,55%
- Nguyễn Hồng Phú	708.970	7.089.700.000	34,18%
Vốn cổ đông khác	301.561	3.015.610.000	14,54%
<b>Tổng</b>	<b>2.073.985</b>	<b>20.739.850.000</b>	<b>100%</b>

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Dịch vụ môi trường đô thị, Xây dựng.

**Ngành nghề kinh doanh**

- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nội thị, vỉa hè đường bộ và hệ thống nước đô thị;
- Phun nước chống bụi đường trên các tuyến đường;
- Quản lý, sửa chữa, vận hành lưới điện chiếu sáng công cộng, đèn trang trí, đèn tín hiệu giao thông các khu vực công ty được giao quản lý;
- Trồng, tu bổ vườn hoa, công viên, cây xanh, dịch vụ hoa tươi, cây cảnh, trang trí, ươm cây giống;
- Xây dựng công trình đường dây điện tới 35KV và trạm biến áp đến 560 KVA;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt công trình điện chiếu sáng công cộng, công trình nước sinh hoạt;
- Dịch vụ trông, rửa, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện giao thông đường bộ;
- Quản lý nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân và dịch vụ tang lễ;
- Thu gom, vận chuyển xử lý chất thải lỏng;
- Xây dựng, sửa chữa nhà ở và các công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ bằng ô tô;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**II. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

***Chế độ kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này.

***Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp***

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

***Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính của các quý trước, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến đoạn trình bày dưới đây.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 244”). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong Báo cáo tài chính này như đã trình bày tại Thuyết minh số VII.3.

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:*** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2015, không có hàng hóa nào cần trích lập dự phòng.

**4. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ghi sổ sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và những chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý hay bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**Khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình được ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được ước tính như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	2 - 5



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

**8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**9. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần phụ trội do phát hành cổ phiếu với giá cao hơn so với mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập Báo cáo tài chính.

**10. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

**Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. Ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

*Doanh thu từ bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Thu nhập từ hoạt động tài chính*

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**12. Ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

*Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:*

Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các năm sau.

**13. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 22%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên cơ sở chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH  
ĐÔ THỊ PHÚC YÊN**

Địa chỉ: Số nhà 06, Đường Quốc lộ 2, Làng Mới, Phường Hùng Vương, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	938.787.901	248.576.978
Tiền gửi ngân hàng	12.804.106.951	17.695.155.240
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	4.450.000.000
- Tiền gửi Ngân hàng TMCP Công Thương CN Vĩnh Phúc thời hạn 1 tháng	1.000.000.000	4.450.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.742.894.852</b>	<b>22.393.732.218</b>

**2 Phải thu của khách hàng**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>13.459.824.063</b>	<b>3.724.679.523</b>
Công trình điện CSCC phố Bảo An	-	292.642.777
Công trình điện CSCC ngõ P.Hùng Vương, Trung Trắc, Phúc Thắng	589.755.000	1.314.488.000
Công trình điện CSCC phố Yên Chung, các ngõ khác	330.824.000	350.434.000
Công trình điện CSCC ngõ 6, ngõ 23	-	189.106.276
Công trình cải tạo Nghĩa Trang Liệt sỹ Thị xã	168.443.000	177.773.000
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	113.355.000	163.218.000
Phòng tài chính Thị xã	9.997.730.763	368.570
Công trình điện CSCC các ngõ thuộc các phường	1.010.053.000	-
Khách hàng khác	1.249.663.300	1.236.648.900
<b>Cộng</b>	<b>13.459.824.063</b>	<b>3.724.679.523</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH  
ĐÔ THỊ PHÚC YÊN**

Địa chỉ: Số nhà 06, Đường Quốc lộ 2, Làng Mới, Phường Hùng Vương, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3 Phải thu khác**

	Cuối năm		Đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.155.532.248</b>	-	<b>3.672.634.095</b>	-
Phải thu nguồn kinh phí còn thiếu các công trình	38.878.829	-	2.184.041.329	-
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	16.694.393	-	119.266.277	-
Phải thu về Cổ phần hóa	142.030.000	-	59.480.000	-
Tạm ứng	767.052.549	-	1.308.739.549	-
Cầm cố thế chấp ký quỹ ký cược	1.189.769.537	-	-	-
Phải thu khác	1.106.940	-	1.106.940	-
	<b>2.155.532.248</b>	-	<b>3.672.634.095</b>	-

**4 Hàng tồn kho**

	Cuối năm		Đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Công cụ, dụng cụ	201.849.982	-	120.636.364	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	98.312.318	-	402.942.456	-
<b>Cộng</b>	<b>300.162.300</b>	-	<b>523.578.820</b>	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>I. NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	6.190.936.628	21.005.618.100	121.770.000	214.262.000	55.253.105.855	82.785.692.583
- Tăng trong năm	2.277.884.500	-	55.454.545	-	-	2.333.339.045
- Giảm trong năm	(219.636.000)	-	-	-	-	(219.636.000)
Số dư cuối năm	8.249.185.128	21.005.618.100	177.224.545	214.262.000	55.253.105.855	84.899.395.628
<b>II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	1.815.286.396	16.829.476.400	81.180.000	192.908.000	36.222.584.850	55.141.435.646
- Khấu hao trong năm	319.529.400	1.772.923.000	43.670.810	10.676.000	6.339.863.752	8.486.662.962
- Giảm trong năm	(77.880.500)	-	-	-	-	(77.880.500)
Số dư cuối năm	2.056.935.296	18.602.399.400	124.850.810	203.584.000	42.562.448.602	63.550.218.108
<b>III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
1. Tại ngày đầu năm	4.375.650.232	4.176.141.700	40.590.000	21.354.000	19.030.521.005	27.644.256.937
2. Tại ngày cuối năm	6.192.249.832	2.403.218.700	52.373.735	10.678.000	12.690.657.253	21.349.177.520

\* Nguyên giá tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đã khấu hao hết đến ngày 31/12/2015 hiện nay Công ty vẫn đang còn sử dụng là 10.770.018.400 đồng.

\* Tài sản cố định hữu hình khác là Tài sản được nhà nước giao cho Công ty quản lý sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Công trình mương thoát nước phường Trung Trắc	1.065.320.000	1.065.320.000
Công trình điện CSCC đường Trần Phú	400.000.000	400.000.000
Công trình chợ trung tâm thị xã Phúc Yên	923.465.800	923.465.800
Điện CSCC ngõ xóm thị xã Phúc Yên GD 2	3.690.968.000	3.690.968.000
Công trình khác	890.100	928.336.700
<b>Cộng</b>	<b><u>6.080.643.900</u></b>	<b><u>7.008.090.500</u></b>

**7 Chi phí trả trước**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>456.832.225</b>	<b>333.298.539</b>
Chi phí sửa chữa	-	157.438.137
Bảo hiểm xe	50.899.203	43.186.500
Thiết bị, dụng cụ	36.736.100	19.204.068
Xe gom rác	286.446.922	113.469.834
Khác	82.750.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>1.188.450.345</b>	<b>34.000.000</b>
Sơn trụ sở Công ty	102.899.500	-
Chi phí sửa chữa	868.050.845	0
Thuê nhà đội MT 3	217.500.000	34.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.645.282.570</u></b>	<b><u>367.298.539</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>9.799.472.084</b>	<b>9.799.472.084</b>	<b>7.388.535.283</b>	<b>7.388.535.283</b>
Công ty Cổ phần Điện và Chiếu sáng An Phú	420.200.000	420.200.000	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Vũ Hải	1.698.012.728	1.698.012.728	858.164.000	858.164.000
Công trình Điện ngõ xóm Giai Đoạn 2	550.105.760	550.105.760	550.105.760	550.105.760
Công ty Cổ phần Việt Phát Hà Nội	358.238.656	358.238.656	-	-
Đào Thị Thanh Sơn_ Cửa hàng đồ điện Sơn Lễ	287.307.210	287.307.210	165.308.900	165.308.900
Điện CSCC đường QL2 đi làng Mới	655.784.000	655.784.000	655.784.000	655.784.000
Xí nghiệp xây dựng TM Nghĩa Bình	1.263.717.000	1.263.717.000	-	-
Công trình Điện CSCC đường Trần Phú	294.041.440	294.041.440	294.041.440	294.041.440
Cửa hàng Hoàng Thị Hà	206.691.000	206.691.000	-	-
Trung tâm 3M	753.366.200	753.366.200	443.436.000	443.436.000
Trung tâm Bắc Hà Nội	409.805.000	409.805.000	824.029.000	824.029.000
Trung Tâm Bắc Thăng Long	425.674.000	425.674.000	-	-
Trung Tâm Hoàng Phát	791.268.200	791.268.200	-	-
Khách hàng khác	1.685.260.890	1.685.260.890	3.597.666.183	3.597.666.183
	<b>9.799.472.084</b>	<b>9.799.472.084</b>	<b>7.388.535.283</b>	<b>7.388.535.283</b>

**9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải nộp trong năm		Số thực nộp trong năm	
	Đầu năm	Đầu năm	Đầu năm	Cuối năm
- Thuế GTGT	857.222.114	2.167.038.381	1.948.921.241	1.075.339.254
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	336.375.931	692.698.949	1.029.074.880	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	14.120.570	14.120.570	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>1.193.598.045</b>	<b>2.873.857.900</b>	<b>2.992.116.691</b>	<b>1.075.339.254</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. Vốn chủ sở hữu**

**10.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn ĐTXDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	8	5	6
- Số dư đầu năm trước	19.938.458.567	1.150.382.752	299.826.000	801.394.000	2.351.931.271	24.541.992.590
- Lãi tăng trong năm trước	-	-	-	-	2.888.298.423	2.888.298.423
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(277.946.271)	(277.946.271)
- Chi trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	(2.073.985.000)	(2.073.985.000)
- Giám khác	-	-	(299.826.000)	-	-	(299.826.000)
- Tăng khác	-	299.826.000	-	-	-	299.826.000
- Số dư cuối năm trước	19.938.458.567	1.450.208.752	-	801.394.000	2.888.298.423	25.078.359.742
- Số dư đầu năm nay	19.938.458.567	1.450.208.752	-	801.394.000	2.888.298.423	25.078.359.742
- Tăng vốn trong năm nay	801.394.000	-	-	-	-	801.394.000
- Lãi tăng trong năm nay	-	-	-	-	2.395.692.388	2.395.692.388
- Trích lập các quỹ	-	814.000.000	-	-	(1.056.000.000)	(242.000.000)
- Chi trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	(1.659.188.000)	(1.659.188.000)
- Giám khác	-	-	-	(801.394.000)	-	(801.394.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>20.739.852.567</b>	<b>2.264.208.752</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.568.802.811</b>	<b>25.572.864.130</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH  
ĐÔ THỊ PHÚC YÊN**Địa chỉ: Số nhà 06, Đường Quốc lộ 2, Làng Mới, Phường Hùng  
Vương, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	20.739.852.567	19.938.458.567
+ Vốn góp đầu năm	19.938.458.567	19.938.458.567
+ Vốn góp tăng trong năm	801.394.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	20.739.852.567	19.938.458.567
Cộng	<u>20.739.852.567</u>	<u>19.938.458.567</u>

**10.3. Cổ phiếu**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	2.073.985	2.073.985
+ Cổ phiếu phổ thông	2.073.985	2.073.985
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.073.985	2.073.985
+ Cổ phiếu phổ thông	2.073.985	2.073.985
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cộng	<u>2.073.985</u>	<u>2.073.985</u>

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

**10.4. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	2.264.208.752	1.450.208.752
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

**11. Nguồn kinh phí và quỹ khác**

	Nguồn kinh phí	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Số dư đầu năm	5.977.565.644	19.030.521.005	25.008.086.649
Tăng do Ngân sách cấp	68.000.000	-	68.000.000
Giảm do trích khấu hao	-	(6.339.863.752)	(6.339.863.752)
Số dư cuối năm	6.045.565.644	12.690.657.253	18.736.222.897

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH  
ĐÔ THỊ PHÚC YÊN**Địa chỉ: Số nhà 06, Đường Quốc lộ 2, Làng Mới, Phường Hùng  
Vương, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT  
QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu dịch vụ công ích	44.522.475.641	45.942.656.997
Doanh thu khác	8.352.832.272	7.112.099.087
Cộng	<u><u>52.875.307.913</u></u>	<u><u>53.054.756.084</u></u>
<b>2 Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	36.862.953.181	37.771.417.705
Giá vốn khác	7.479.411.724	6.381.363.368
Cộng	<u><u>44.342.364.905</u></u>	<u><u>44.152.781.073</u></u>
<b>3 Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi	242.627.268	344.431.303
Cộng	<u><u>242.627.268</u></u>	<u><u>344.431.303</u></u>
<b>4 Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	85.000.000	-
Cộng	<u><u>85.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>
<b>5 Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	141.755.500	-
Chi phí khác	147.957.244	-
Cộng	<u><u>289.712.744</u></u>	<u><u>-</u></u>
<b>6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>Chỉ tiêu</b>	<u><b>Năm nay</b></u>	<u><b>Năm trước</b></u>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.088.391.337</b>	<b>3.702.946.696</b>
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	60.240.244	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>3.148.631.581</b>	<b>3.702.946.696</b>
Thuế TNDN phải nộp - 22%	692.698.949	814.648.273
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (22%)</b>	<u><u>692.698.949</u></u>	<u><u>814.648.273</u></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.395.692.388</b>	<b>2.888.298.423</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	2.395.692.388	2.888.298.423
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm (*)	2.073.985	2.073.985
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.155</b>	<b>1.393</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.

**2. Phân loại lại số liệu tương ứng**

Số dư đầu năm của một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC	Chỉ tiêu theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC	Số tiền
Tài sản ngắn hạn khác	Các khoản phải thu khác	1.308.739.549
Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	299.826.000

Người lập biểu



**VŨ KHẮC HÒA**

Kế toán trưởng



**NGUYỄN THỊ HUỆ**

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2016

Giám đốc



**NGUYỄN HUY HẢI**